

# Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 24/01/2025

**HOSE-Index** là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

## Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

**VNAllshare** là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

**VN30** là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

**VNMidcap** là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

**VN100** là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

**VNSmallcap** là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

**VNAllshare Sector Indices** bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

## Đặc điểm chung

### Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

### Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

### Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

### Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

### Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

### Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

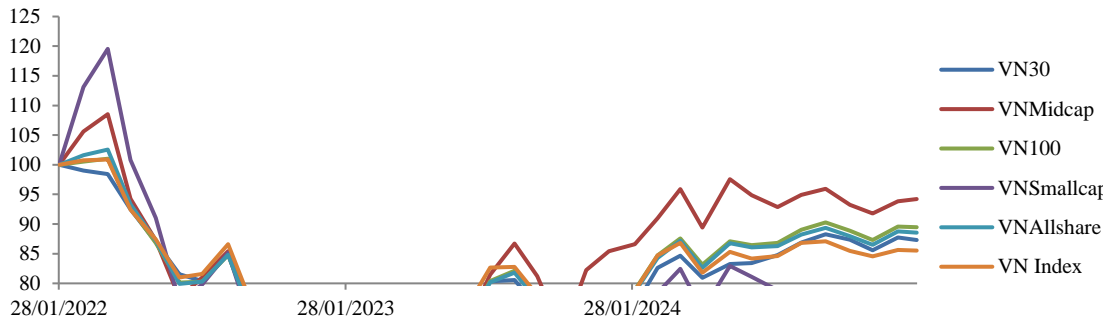
### Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

### Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

## Tăng trưởng chỉ số từ 28/01/2022 đến 24/01/2025



\* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 28/01/2022

## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
<b>VNAllShare</b>	-38.81%	14.75%	15.89%	-0.24%	0.67%	2.67%	12.73%	-11.43%	63.26%	-3.97%	10.30%
<b>VN30</b>	-35.52%	8.04%	18.83%	-0.53%	-0.08%	2.96%	14.68%	-12.70%	57.62%	-4.43%	9.53%
<b>VNMidcap</b>	-42.30%	28.82%	10.39%	0.37%	1.02%	1.46%	8.80%	-5.80%	112.81%	-1.97%	16.30%
<b>VN100</b>	-37.62%	13.95%	16.62%	-0.12%	0.65%	3.04%	13.43%	-10.54%	62.04%	-3.64%	10.13%
<b>VNSmallcap</b>	-51.74%	25.06%	5.92%	-2.05%	1.07%	-2.58%	2.99%	-23.19%	94.57%	-8.42%	14.24%
<b>VN-Index</b>	-33.99%	8.24%	11.93%	-0.14%	0.05%	1.08%	8.65%	-14.46%	35.07%	-5.07%	6.20%

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VNAllShare</b>	6.02%	9.62%	14.77%	35.76%	48.27%
<b>VN30</b>	6.14%	9.36%	14.47%	34.79%	48.23%
<b>VNMidcap</b>	6.46%	11.08%	17.20%	41.73%	58.38%
<b>VN100</b>	6.13%	9.70%	14.89%	35.83%	49.86%
<b>VNSmallcap</b>	5.42%	9.56%	15.23%	39.16%	50.55%
<b>VN-Index</b>	5.10%	8.55%	13.57%	32.44%	45.07%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VNAllShare</b>	98.59%	98.69%	98.67%	98.79%	98.38%
<b>VN30</b>	97.13%	97.17%	96.49%	97.58%	97.34%
<b>VNMidcap</b>	95.32%	95.07%	94.28%	93.43%	82.21%
<b>VN100</b>	98.38%	98.57%	98.48%	98.75%	95.33%
<b>VNSmallcap</b>	82.99%	88.86%	86.44%	87.62%	84.27%

## Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
<b>Số lượng cổ phiếu thành phần</b>	290	30	70	100	190
<b>Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)</b>	4,909,345	3,615,413	1,032,036	4,647,449	261,895
<b>Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)</b>	2,162,812	1,390,993	638,396	2,029,389	133,423
<b>Trung bình</b>	7,458	46,366	9,120	20,294	702
<b>Cao nhất</b>	191,813	191,813	96,385	191,813	4,768
<b>Thấp nhất</b>	13	2,869	885	885	13
<b>Trung vị</b>	1,010	34,616	5,518	7,547	392
<b>Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ</b>	8.87%	13.79%	15.10%	9.45%	3.57%
<b>Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ</b>	44.11%	65.74%	46.83%	47.00%	24.94%

### Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

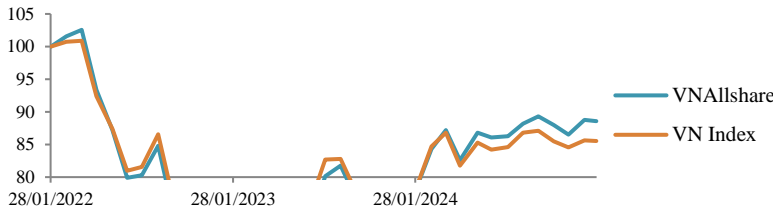
## Đặc điểm chỉ số

	<b>290</b>
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,909,345
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,162,812
<b>Trung bình</b>	<b>7,458</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>191,813</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>13</b>
<b>Trung vị</b>	<b>1,010</b>
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	8.87%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	44.11%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Tăng trưởng chỉ số từ 28/01/2022 đến 24/01/2025



\* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 28/01/2022

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	6.02%	9.62%	14.77%	35.76%	48.27%

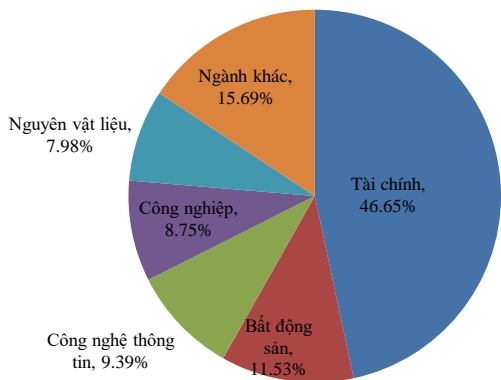
## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	98.59%	98.69%	98.67%	98.79%	98.38%

## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	-38.81%	14.75%	15.89%	-0.24%	0.67%	2.67%	12.73%	-11.43%	63.26%	-3.97%	10.30%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	191,813	8.87%
2	TCB	Tài chính	113,337	5.24%
3	ACB	Tài chính	101,907	4.71%
4	LPB	Tài chính	96,385	4.46%
5	HPG	Nguyên vật liệu	93,401	4.32%
6	VPB	Tài chính	82,473	3.81%
7	MBB	Tài chính	75,180	3.48%
8	MWG	Khu vực tiêu dùng	70,289	3.25%
9	STB	Tài chính	69,753	3.23%
10	HDB	Tài chính	59,372	2.75%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>953,910</b>	<b>44.11%</b>

## Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	37	1,008,969	46.65%
Bất động sản	41	249,368	11.53%
Công nghệ thông tin	5	203,170	9.39%
Công nghiệp	75	189,240	8.75%
Nguyên vật liệu	46	172,662	7.98%

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

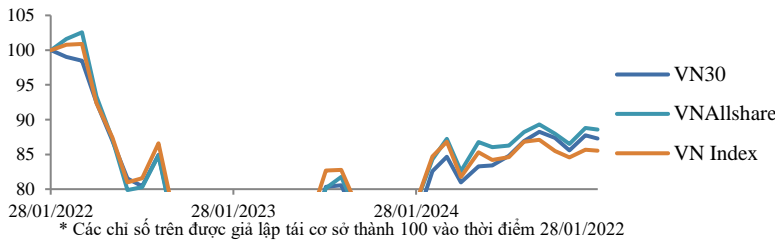


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNIAllshare.

## Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,615,413
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,390,993
Trung bình	46,366
Cao nhất	191,813
Thấp nhất	2,869
Trung vị	34,616
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	13.79%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	65.74%

## Tăng trưởng chỉ số từ 28/01/2022 đến 24/01/2025



## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009  
 Giá trị cơ sở: 313.34  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	6.14%	9.36%	14.47%	34.79%	48.23%

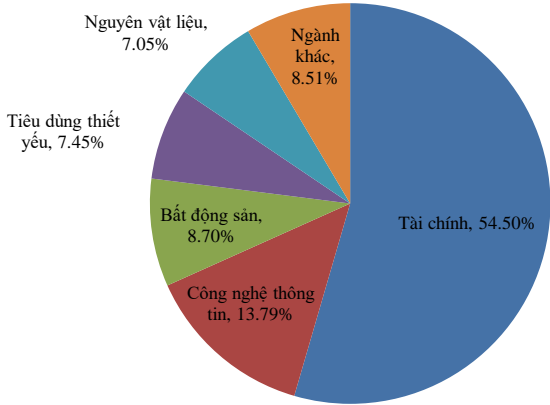
## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	97.13%	97.17%	96.49%	97.58%	97.34%

## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN30	-35.52%	8.04%	18.83%	-0.53%	-0.08%	2.96%	14.68%	-12.70%	57.62%	-4.43%	9.53%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	191,813	13.79%
2	TCB	Tài chính	113,337	8.15%
3	ACB	Tài chính	101,907	7.33%
4	HPG	Nguyên vật liệu	93,401	6.71%
5	VPB	Tài chính	82,473	5.93%
6	MBB	Tài chính	75,180	5.40%
7	MWG	Khu vực tiêu dùng	70,289	5.05%
8	STB	Tài chính	69,753	5.01%
9	HDB	Tài chính	59,372	4.27%
10	VCB	Tài chính	56,930	4.09%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>914,455</b>	<b>65.74%</b>

## Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	15	758,154	54.50%
Công nghệ thông tin	1	191,813	13.79%
Bất động sản	4	121,040	8.70%
Tiêu dùng thiết yếu	3	103,602	7.45%
Nguyên vật liệu	2	98,009	7.05%

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNIAllshare", "VNIAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

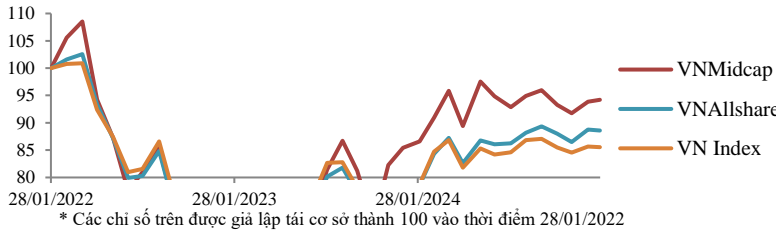


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

## Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,032,036
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	638,396
Trung bình	9,120
Cao nhất	96,385
Thấp nhất	885
Trung vị	5,518
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	15.10%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	46.83%

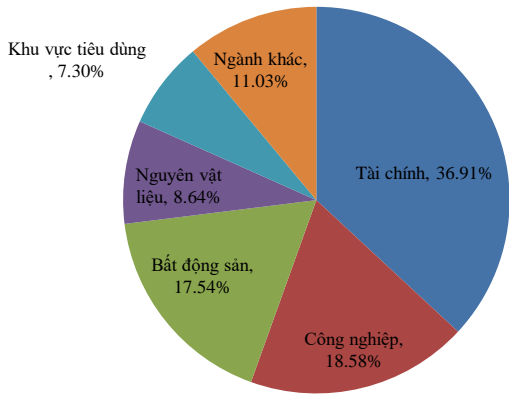
## Tăng trưởng chỉ số từ 28/01/2022 đến 24/01/2025



## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNMidcap	-42.30%	28.82%	10.39%	0.37%	1.02%	1.46%	8.80%	-5.80%	112.81%	-1.97%	16.30%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	11	235,624	36.91%
Công nghiệp	18	118,630	18.58%
Bất động sản	14	111,993	17.54%
Nguyên vật liệu	8	55,141	8.64%
Khu vực tiêu dùng	3	46,602	7.30%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	6.46%	11.08%	17.20%	41.73%	58.38%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	95.32%	95.07%	94.28%	93.43%	82.21%

## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	LPB	Tài chính	96,385	15.10%
2	EIB	Tài chính	29,370	4.60%
3	PNJ	Khu vực tiêu dùng	28,033	4.39%
4	MSB	Tài chính	26,091	4.09%
5	DGC	Nguyên vật liệu	25,384	3.98%
6	GMD	Công nghiệp	23,808	3.73%
7	KDH	Bất động sản	19,325	3.03%
8	KBC	Bất động sản	17,808	2.79%
9	VCI	Tài chính	17,292	2.71%
10	FRT	Khu vực tiêu dùng	15,436	2.42%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>298,934</b>	<b>46.83%</b>

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

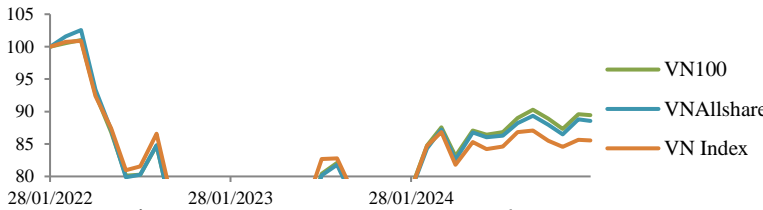


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

## Đặc điểm chỉ số

	<b>100</b>
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,647,449
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,029,389
<b>Trung bình</b>	20,294
<b>Cao nhất</b>	191,813
<b>Thấp nhất</b>	885
<b>Trung vị</b>	7,547
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.45%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	47.00%

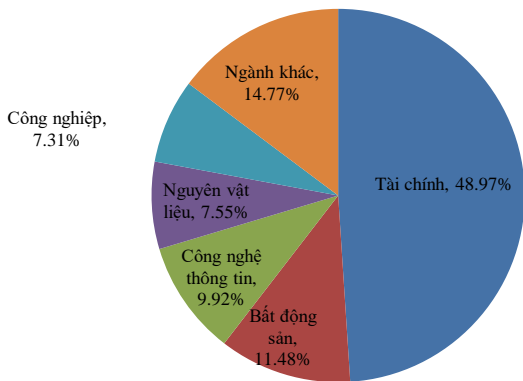
## Tăng trưởng chỉ số từ 28/01/2022 đến 24/01/2025



## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
<b>VN100</b>	-37.62%	13.95%	16.62%	-0.12%	0.65%	3.04%	13.43%	-10.54%	62.04%	-3.64%	10.13%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
<b>Tài chính</b>	26	993,778	48.97%
<b>Bất động sản</b>	18	233,032	11.48%
<b>Công nghệ thông tin</b>	3	201,289	9.92%
<b>Nguyên vật liệu</b>	10	153,150	7.55%
<b>Công nghiệp</b>	19	148,359	7.31%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - VN100: Theo thời gian thực (5giây/lần)  
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VN100</b>	6.13%	9.70%	14.89%	35.83%	49.86%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VN100</b>	98.38%	98.57%	98.48%	98.75%	95.33%

## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	191,813	9.45%
2	TCB	Tài chính	113,337	5.58%
3	ACB	Tài chính	101,907	5.02%
4	LPB	Tài chính	96,385	4.75%
5	HPG	Nguyên vật liệu	93,401	4.60%
6	VPB	Tài chính	82,473	4.06%
7	MBB	Tài chính	75,180	3.70%
8	MWG	Khu vực tiêu dùng	70,289	3.46%
9	STB	Tài chính	69,753	3.44%
10	HDB	Tài chính	59,372	2.93%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>953,910</b>	<b>47.00%</b>

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

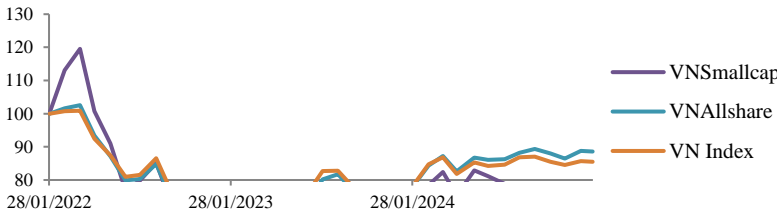
## Đặc điểm chỉ số

	<b>190</b>
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	261,895
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	133,423
<b>Trung bình</b>	702
<b>Cao nhất</b>	4,768
<b>Thấp nhất</b>	13
<b>Trung vị</b>	392
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	3.57%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	24.94%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Tăng trưởng chỉ số từ 28/01/2022 đến 24/01/2025



\* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 28/01/2022

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	5.42%	9.56%	15.23%	39.16%	50.55%

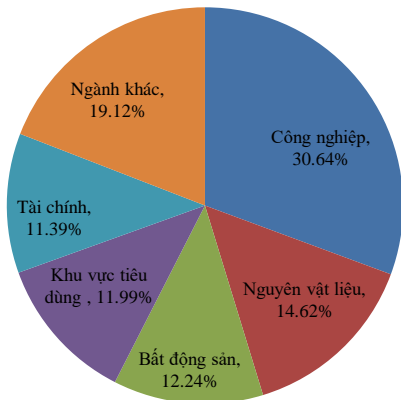
## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	82.99%	88.86%	86.44%	87.62%	84.27%

## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	-51.74%	25.06%	5.92%	-2.05%	1.07%	-2.58%	2.99%	-23.19%	94.57%	-8.42%	14.24%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VSC	Công nghiệp	4,768	3.57%
2	HAH	Công nghiệp	4,523	3.39%
3	DBD	Chăm sóc sức khỏe	4,371	3.28%
4	ORS	Tài chính	4,234	3.17%
5	BAF	Tiêu dùng thiết yếu	3,965	2.97%
6	IIC	Công nghiệp	2,569	1.93%
7	SAM	Công nghiệp	2,523	1.89%
8	TNH	Chăm sóc sức khỏe	2,174	1.63%
9	SHI	Công nghiệp	2,105	1.58%
10	DHC	Nguyên vật liệu	2,043	1.53%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>33,274</b>	<b>24.94%</b>

## Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	56	40,880	30.64%
Nguyên vật liệu	36	19,513	14.62%
Bất động sản	23	16,336	12.24%
Khu vực tiêu dùng	30	15,999	11.99%
Tài chính	11	15,191	11.39%

### Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.





## Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

### Tiêu chí sàng lọc:

#### 1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

**2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float):** Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

**3. Thanh khoản:** Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

### Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

**1. VNAllshare:** Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

#### 2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

#### 3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

**4. VN100:** Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

**5. VNSmallcap:** Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

## Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn).

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

